

BỘ Y TẾ  
Số: 370/2002/QĐ-BYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2002

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010”

### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ- Bộ Y tế

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo quyết định này “Chuẩn Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010”.

**Điều 2.** Chuẩn Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010 là tiêu chuẩn và chỉ tiêu để các trạm y tế xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trái với quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** Các ông, bà Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Vụ trưởng các Vụ của cơ quan Bộ Y tế, Cục trưởng Cục quản lý dược Việt Nam, Cục trưởng Cục Vệ sinh An toàn thực phẩm, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

(Đã ký)

Đỗ Nguyên Phương

**CHUẨN QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ GIAI ĐOẠN 2001 - 2010**

## Chuẩn I

# XÃ HỘI HÓA CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ NHÂN DÂN VÀ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ

## A. XÃ HỘI HÓA CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ NHÂN DÂN

- Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong xã được đưa vào nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã. Có kế hoạch hành động cụ thể do UBND xã phê duyệt để thực hiện những nghị quyết trên.
- Có Ban chăm sóc sức khỏe hoạt động thường xuyên tại xã do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, Trưởng trạm y tế làm phó ban thường trực và trưởng các ban ngành có liên quan tại địa phương là ủy viên. Tổ chức họp đánh giá công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tại xã 6 tháng/lần với sự tham dự của đại diện cộng đồng.
- Huy động được cộng đồng, các tổ chức chính trị- xã hội tại địa phương tích cực tham gia triển khai thực hiện các chương trình y tế trên địa bàn.

## B. CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ

- 100% cán bộ trạm y tế và nhân viên y tế thôn, bản, ấp được bồi dưỡng kiến thức và có kỹ năng cơ bản về truyền thông- giáo dục sức khỏe.
- Thực hiện tư vấn và truyền thông- giáo dục sức khỏe lồng ghép tại trạm y tế, tại cộng đồng và gia đình.
- Giáo dục sức khỏe qua hệ thống loa truyền thanh xã, ít nhất đạt:  
Đồng bằng và trung du: 4 lần/tháng trở lên  
Miền núi: 2 lần/tháng trở lên
- Tổ chức, tham gia phi hợp tổ chức các buổi họp cộng đồng tại thôn, bản, ấp để tuyên truyền- giáo dục sức khỏe tối thiểu đạt:  
Đồng bằng và trung du: 6 lần/năm trở lên  
Miền núi: 4 lần/năm trở lên

5. Tỷ lệ hộ gia đình nắm được kiến thức cơ bản về các nội dung thực hành chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho bà mẹ, trẻ em tại gia đình và cộng đồng, phòng chống tai nạn và thương tích; nắm được kiến thức về phòng chống một số bệnh nguy hiểm tại địa phương (do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chính quyền địa phương xác định) đạt từ:

Đồng bằng và trung du: 60% trở lên

Miền núi: 50% trở lên

## **Chuẩn II**

### **VỆ SINH PHÒNG BỆNH**

#### **A. PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH**

1. Phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các bệnh truyền nhiễm gây dịch theo quy định của Bộ Y tế (bao gồm cả ngộ độc thực phẩm và nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật, tai nạn và thương tích). Nếu có dịch xảy ra, xử trí ban đầu và phối hợp dập tắt kịp thời.
2. Có biện pháp đề phòng và không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn.

#### **B. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ QUỐC GIA**

Đạt và vượt các chỉ tiêu và mục tiêu được giao hàng năm của chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS.

#### **C. Y TẾ MÔI TRƯỜNG NƯỚC SẠCH: HỒ XÍ HỢP VỆ SINH XỬ LÝ RÁC XỬ LÝ PHÂN GIA SÚC VỆ SINH LAO ĐỘNG**

1. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch:

Nông thôn: 70% trở lên

Thành thị: 90% trở lên

2. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng hố xí hợp vệ sinh:

Nông thôn: 70% trở lên

Thành thị: 90% trở lên

3. Tỷ lệ hộ gia đình xử lý rác đúng quy định:

Nông thôn: 70% trở lên

Thành thị: 90% trở lên

4. Tỷ lệ hộ gia đình xử lý phân gia súc hợp vệ sinh đạt từ 70% trở lên

5. Có tham gia phối hợp kiểm tra vệ sinh lao động trên địa bàn

#### **D. Y TẾ HỌC ĐƯỜNG**

1. Tỷ lệ học sinh được khám sức khỏe hàng năm:

Mẫu giáo: 80% trở lên

Tiểu học và trung học cơ sở: 60% trở lên với các xã vùng đồng bằng và 40% trở lên với các xã miền núi.

2. Tỷ lệ học sinh tiểu học và trung học cơ sở được khám và chăm sóc bệnh răng miệng hàng năm:

Đồng bằng và trung du: 50% trở lên

Miền núi: 30% trở lên

3. Toàn bộ số học sinh khám sức khỏe được thông báo kết quả khám về gia đình và trên 90% số mắc các bệnh trong chương trình y tế học đường được quản lý và điều trị.

#### **Chuẩn III**

#### **KHÁM CHỮA BỆNH VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

1. Bình quân số lần khám chữa bệnh tại trạm y tế và tại hộ gia đình đạt từ 0,6 lần/ người/ năm trở lên.

2. Tỷ lệ bệnh nhân được chẩn đoán và điều trị hợp lý tại trạm y tế đạt từ 80% trở lên.

3. Tỷ lệ người tàn tật tại cộng đồng được quản lý đạt từ:

Đồng bằng và trung du: 90% trở lên

Miền núi: 70% trở lên

4. Tỷ lệ người tàn tật được hướng dẫn và phục hồi chức năng tại cộng đồng đạt từ:

Đồng bằng và trung du: 20% trở lên

Miền núi: 15% trở lên

5. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; 100% các cụ từ 80 tuổi trở lên được quản lý sức khỏe

6. Không để xảy ra tai biến nghiêm trọng trong điều trị dẫn đến tử vong do

7. Tất cả cán bộ chuyên môn nắm được kiến thức và kỹ năng cấp cứu thông thường, chăm sóc sức khỏe sinh sản và đỡ đẻ thường.

## **Chuẩn IV**

### **Y HỌC CỔ TRUYỀN**

1. Có vườn hoặc trồng thuốc nam trong chậu mẫu tại trạm y tế gồm ít nhất 40 loại cây trở lên trong danh mục quy định của Bộ Y tế.
2. Tỷ lệ bệnh nhân được khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp với y học hiện đại trên tổng số bệnh nhân khám chữa bệnh tại trạm y tế đạt từ 20% trở lên.
3. Thực hiện việc điều trị bằng phương pháp y học cổ truyền không dùng thuốc, đặc biệt tại những nơi có cán bộ y học cổ truyền chuyên trách.

## **Chuẩn V**

### **CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TRẺ EM**

1. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ theo đúng qui định:  
Đồng bằng và trung du: 95 % trở lên  
Miền núi: 90 % trở lên
2. Tỷ lệ trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi được uống Vitamin A 2 lần/năm:  
Đồng bằng và trung du: 95 % trở lên  
Miền núi: 90 % trở lên
3. Tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi được theo dõi tăng trưởng hàng tháng; trẻ em từ 2 đến dưới 5 tuổi được theo dõi tăng trưởng 2 lần/năm:  
Đồng bằng và trung du: 90 % trở lên  
Miền núi: 80 % trở lên
4. Chẩn đoán và điều trị đúng phác đồ cho trẻ em dưới 5 tuổi bị tiêu chảy, nhiễm khuẩn hô hấp cấp khi đến trạm y tế đạt:  
Đồng bằng và trung du: 90 % trở lên  
Miền núi: 80 % trở lên
5. Có tổ chức thực hiện việc tẩy giun cho trẻ em.

## **Chuẩn VI**

### **CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN**